

Bản án số: 125/2023/DS-PT

Ngày: 20- 4- 2023

V/v tranh chấp “Đòi lại tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán:

Ông Dương Hùng Quang

Ông Đặng Minh Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thúy Nguyên, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Hữu Duy Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2022/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Đòi lại tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 222/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Cẩm T1, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông D1 Thanh T2, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn:

1/ Ông Lê Tấn D1, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C ..

2/ Bà Lê Thị L2, sinh năm 1946 (chết ngày 31/7/2022).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L2:

1/ Bà Lê Huyền D3, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh C ..

2/ Ông Lê Văn S, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Lung Tràm, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

3/ Bà Lê Hồng L3, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Lung Tràm, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau
4/ Bà Lê Thị R, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp của ông S, bà L3, bà R: Bà Lê Huyền D3, sinh năm 1972, văn bản ủy quyền ngày 31/8/2022 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh C ..

5/ Ông Lê Tấn D1 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Ngô Thị Giang (Ngô Cẩm G, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Rạch Lùm B, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

2/ Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1972 (vắng mặt)

3/ Chị Lê Như Q, sinh năm 2009 (con ông Lê Bá P với bà C).

Người đại diện hợp pháp của chị Q: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1972 (vắng mặt).

4/ Bà Lê Thúy L1, sinh năm 1982 (vắng mặt).

5/ Chị Lê Ngọc D2, sinh năm 2003 (vắng mặt).

6/ Anh Lê Đăng K, sinh năm 2007 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của anh K: Ông Lê Tấn D1 (có mặt)

Bà Lê Thúy L1 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh C ..

- Người kháng cáo: Chị Lê Cẩm T1, là nguyên đơn; bà Ngô Thị Giang là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông D1 Thanh T2 trình bày: Cha và mẹ chị Lê Cẩm T1 là ông Lê Bá P (tên gọi khác: Lê Phước, chết năm 2014) và bà Ngô Thị Giang, sống chung với nhau năm 1991, không có đăng ký kết hôn. Đến năm 2003, bà Giang và ông P không còn sống chung. Năm 2008, ông P sống chung với bà Nguyễn Thị C và có 01 người con tên Lê Như Q, sinh năm 2009. Chị T1 xác định ông P chết không có để lại di chúc.

Năm 1994, cha và mẹ chị T1 được ông bà nội là ông Lê Văn Sáng (chết 2008) và bà Lê Thị L2 cho phần đất 14.330m², thuộc các thửa số 0270, 0271, tờ bản đồ số 05, đất tọa lạc tại ấp Đường Ranh, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Đến ngày 20/12/1995, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D0626916, đứng tên ông Lê Bá P. Khi được cho đất, ông P và bà Giang sống trên phần đất này và quản lý canh tác được 03 năm. Đến năm 1998, ông P cho ông Lê Tấn D1 thuê, thời hạn 10 năm và kèm theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nay nguyên đơn yêu cầu bà Lê Thị L2 và ông Lê Tấn D1 trả lại phần đất 14.330m² theo đo đạc thực tế 17.906,2m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên Lê Bá P, đất tọa lạc tại ấp Đường Ranh, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa ông Lê Tấn D1 trình bày: Phần đất này là của ông Nguyễn Văn Khôi (ông chú, đã chết) cho cha mẹ của ông là ông Lê Văn Sáng (chết 2008) và bà Lê Thị L2 (chết vào ngày 31/7/2022) vào năm 1976, diện tích khoảng 41.000 m². Năm 1994, do có chính sách trang trải ruộng đất nên cha mẹ của ông để lại 01 phần cho ông Lê Bá P đứng tên thay trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 14.330m² nhưng trên thực tế ông P không có quản lý, sử dụng, cũng không có việc ông P cho ông thuê đất mà vẫn do ông Sáng, bà L2 và ông sử dụng từ trước đến nay.

Năm 2003, ông P có sang phần đất của bà Nguyễn Tuyết Chung ở xã Khánh Hải nhưng không đủ tiền nên ông P có thỏa thuận với ông Sáng, theo đó ông Sáng đưa cho ông P là 25 chỉ vàng 24k để trả tiền sang đất của bà Chung, ông P làm giấy ủy quyền ngày 19/6/2003 giao lại toàn bộ phần đất trên cho ông Sáng (có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Khánh Hải). Sau khi ông Sáng, bà L2 qua đời ông là người trực tiếp quản lý, sử dụng đất. Nay ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị T1. Tuy nhiên, ông đồng ý tặng cho 02 người con của ông P là Lê Cẩm T1 và Lê Như Q mỗi người 02 công đất để canh tác nhưng ông tặng cho phần đất của ông.

Quá trình tố tụng và tại phiên tòa bà Lê Huyền D3 trình bày: Bà thống nhất lời trình bày của ông Lê Tấn D1. Do phần đất tranh chấp không phải của ông Lê Bá P nên bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T1.

Quá trình tố tụng, bà Ngô Thị Giang trình bày: Bà là vợ của ông Lê Bá P (đã chết), năm 1991 bà về làm dâu bên gia đình chồng, đến năm 1993 bà với ông Lê Bá P sinh chị Lê Cẩm T1. Năm 1994, được gia đình bên chồng cho phần đất nêu trên khi bà với ông P ra ở riêng. Việc cho đất và thủ tục như thế nào thì ông P đi làm, bà có biết nhưng không có đi. Phần đất được cho bà và ông P có quản lý, canh tác được 03 năm. Năm 1998, bà với ông P đi làm ăn nên cho ông Lê Văn Sáng thuê lại (việc thuê không có làm giấy tờ gì). Đối với việc bị đơn cho rằng vợ chồng bà có sang đất của bà Nguyễn Tuyết Chung là đúng nhưng thời gian sang đất là khoảng năm 1997-1998, thời điểm đó sang đất là nguồn tiền của vợ chồng bà không có nhận của ông Sáng 25 chỉ vàng 24k như bị đơn đặt ra. Bà xác định không yêu cầu gì trong vụ án này.

Quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà sống chung như vợ chồng với ông Lê Bá P vào khoảng năm 2008, có tổ chức đám cưới nhưng không có làm thủ tục đăng ký kết hôn. Bà với ông P ở chung với nhau trên phần đất thuê của ông Lê Tấn D1 (việc thuê đất không có làm giấy tờ) cho đến khi ông P chết chôn ở

phần đất gia đình ông P, hiện bà là người đang thờ cúng ông P. Phần đất tranh chấp giữa chị Cẩm Tú với ông D1, bà L2 thì bà không biết. Lúc ông P còn sống cũng không có nói với bà về phần đất này. Bà xác định không có yêu cầu trong vụ án này nên từ chối tham gia tố tụng từ giai đoạn hòa giải đến khi xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 222/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau Quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Cẩm T1 về việc buộc ông Lê Tấn D1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị L2, giao trả phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 17.906,2m² (trong đó đất ở 300m², đất vườn 2.597m², đất trồng lúa 15.009,2m²) thuộc các thửa 195 và 244, tờ bản đồ số 05 (bản đồ năm 2006); Đất tọa lạc tại ấp Đường Ranh, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/12/1995 đứng tên Lê Bá P. (Bản vẽ hiện trạng lập ngày 25/3/2021; BL: 120).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 22/9/2022, Bà Ngô Thị Giang, chị Lê Cẩm T1 kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T1, buộc ông Lê Tấn D1 và những người thừa kế quyền nghĩa vụ tố tụng của bà L2 trả lại giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất và giao trả lại phần đất diện tích 17.906,2m².

Tại phiên toà: Người đại diện theo ủy quyền của chị T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bà Ngô Thị Giang vắng mặt không rõ lý do.

Tại phần tranh luận: Giấy ủy quyền của ông P hiện nay không còn giá trị pháp lý do người ủy quyền đã chết. Bên cạnh đó, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông P đứng tên vẫn còn giá trị pháp lý. Chị T1 là con ruột của ông P nên kiến nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu:
Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, đình chỉ kháng cáo của bà Ngô Thị Giang, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Cẩm T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị T1 khởi kiện yêu cầu ông D1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị L2 giao trả phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 17.906,2m² và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Lê Bá P đứng tên. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T1 nên chị T1, bà Giang kháng cáo.

[2] Xét kháng cáo của chị T1, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc phần đất chị T1 yêu cầu ông Lê Tấn D1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị L2 giao trả lại có diện tích theo đo đạc thực tế 17.906,2m² (trong đó đất ở 300m², đất vườn 2.597m², đất trồng lúa 15.009,2m²) thuộc các thửa 195 và 244, tờ bản đồ năm 2006, đất tọa lạc tại ấp Đường Ranh, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Bá P vào ngày 20/12/1995, diện tích 14.330m².

[2.1] Theo chị T1 xác định phần đất trên là của cha chị T1 là ông Lê Bá P được ông nội là cụ Sáng tặng cho và được cấp quyền sử dụng đất năm 1995, ông P canh tác được 3 năm, đến năm 1998 ông P cho ông Lê Tấn D1 (em ruột ông P) thuê 10 năm với giá 1,1 lượng vàng 24k. Đến năm 2008 hết hợp đồng nên yêu cầu ông D1 giao trả lại đất.

[2.2] Ông Lê Tấn D1 và bà Lê Huyền D3 xác định, phần đất tranh chấp là của cụ Sáng. Năm 1995, cụ Sáng cho ông P đứng tên một phần diện tích là vì không muốn đóng thuê cao do sử dụng đất diện tích lớn. Đồng thời, cụ Sáng cũng có ý định cho ông P diện tích trên nhưng vì ông P muốn nhận vàng để chuyển nhượng phần đất khác nên cụ Sáng và ông P thỏa thuận, cụ Sáng cho ông P 25 chỉ vàng 24k để mua đất, ông P làm giấy ủy quyền giao lại toàn bộ phần đất do ông P đứng tên lại cho cụ Sáng.

[2.3] Các đương sự trình bày bằng lời nói không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của các đương sự. Nên không có căn cứ chứng minh phần đất trên là do ông P cho ông D1 thuê lại, cũng không có tài liệu chứng cứ gì thể hiện có việc ông P nhận 25 chỉ vàng từ cụ Sáng.

[3] Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Lê Bá P vào ngày 20/12/1995, diện tích 14.330m², theo đo đạc diện tích thực tế 17.906,2m², thuộc các thửa 195 và 244, tờ bản đồ số 05, phần đất trên do ông D1 đang quản lý sử dụng.

[3.1] Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông P đứng tên nhưng phần đất do cụ Sáng canh tác từ trước cho đến khi cụ Sáng qua đời thì giao lại cho cụ Loán và ông D1 tiếp tục quản lý sử dụng. Điều này phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn là ông P không có trực tiếp quản lý, sử dụng phần đất này mà chỉ đứng tên giấy chứng nhận. Theo chị T1, bà Giang xác định ông P cho ông D1 thuê lại đất trong thời hạn 10 năm từ năm 1998 đến năm 2008 nhưng người đại diện của chị T1 không giải thích được vì sao hết hợp đồng thuê là năm 2008 nhưng bà Giang, chị T1 không yêu cầu gì đối với phần đất này.

[3.2] Năm 2003, ông P làm giấy ủy quyền, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Khánh Hải có nội dung ông P giao lại toàn bộ diện tích đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho cụ Sáng quản lý, sử dụng, ông P không còn trách nhiệm về phần đất này. Điều này thể hiện ý chí của ông P là giao toàn bộ phần đất trên lại cho cụ Sáng. Mặc dù, tiêu đề của văn bản là giấy ủy quyền nhưng nội dung

thể hiện giao tài sản là quyền sử dụng đất cho cụ Sáng. Giấy ủy quyền được ông P xác lập từ năm 2003, bà Giang cũng không có ý kiến, trường hợp bà Giang không biết việc ông P giao lại phần đất cho cụ Sáng thì đến năm 2008 bà Giang cũng phải biết việc này vì theo bà Giang thì năm 2008 đã hết hợp đồng thuê đất với ông D1 nhưng đến khi ông P qua đời bà Giang cũng không có ý kiến đối với phần đất trên. Do đó, có cơ sở xác định ông P chỉ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, còn thực tế đất là của cụ Sáng, điều này phù hợp với diễn biến sự việc.

[4] Từ những phân tích nêu trên, án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của chị T1 về việc yêu cầu ông D1 giao trả lại phần đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông P đứng tên là có căn cứ. Chị T1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị T1, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

[5] Đối với kháng cáo của bà Ngô Thị Giang (Ngô Cẩm G thực hiện trong hạn luật định và có nộp tạm ứng án phí. Tòa án đã triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa phúc thẩm nhưng bà Giang vẫn vắng mặt không có lý do nên được xem là từ bỏ việc kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ đối với kháng cáo của bà Giang.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Giang, chị Tú phải chịu theo quy định.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của bà Ngô Thị Giang (Ngô Cẩm G

Không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Cẩm T1.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 222/2022/DS-ST ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của chị Lê Cẩm T1 về việc buộc ông Lê Tấn D1 và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị L2 là Lê Văn S, Lê Hồng L3, Lê Huyền D3, Lê Thị R giao trả phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 17.906,2m² thuộc các thửa 195 và 244, tờ bản đồ số 05, Đất tọa lạc tại ấp Đường Ranh, xã Khánh Hải, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau và giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 20/12/1995 đứng tên Lê Bá P.

Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc 23.914.000 đồng, chi phí định giá 500.000 đồng, chi T1 phải chịu, đã thực hiện xong.

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Cẩm T1 phải chịu 300.000 đồng, ngày 11/6/2020, chị T1 có nộp tạm ứng số tiền 10.598.000 đồng (biên lai số 0003843) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được chuyển thu đối trừ, chị Lê Cẩm T1 được nhận lại số tiền 10.298.000 đồng (*Mười triệu hai trăm chín mươi tám nghìn đồng*).

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Ngô Thị Giang, chị Lê Cẩm T1 mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 29/9/2022, bà Ngô Thị Giang có nộp tạm ứng 300.000 đồng, biên lai số 0005391 và ngày 23/9/2022, chị Lê Cẩm T1 có nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng, biên lai số 0005390 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Cẩm Đào